DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: 1351 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** 25 ***tháng 05 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung**
Laboratory:	***Central electrical testing company limited***
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	**Tổng công ty Điện lực miền Trung**
Organization:	***Central Power Corporation***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 290**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý/ *Laboratory manager*:	**Nguyễn Lương Mính**
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** 25 **/05/2026 đến ngày** 24 **/05/2031**
Địa chỉ/*Address*:	**Số 1068 đường Tôn Đản, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng** ***No. 1068 Ton Dan street, Cam Le ward, Da Nang city***
Địa điểm/ *Location:*	**Số 1068 đường Tôn Đản, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng** ***No. 1068 Ton Dan street, Cam Le ward, Da Nang city***
Điện thoại/ *Tel*:	**0236.2220413**
Email:	**infoetc@cpc.vn**
Website:	**http://etc.cpc.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)

VILAS 290

Phân xưởng Hóa dầu/ *Oil Chemical Workshop*

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Dầu cách điện** ***Insulating oil***	Xác định độ nhớt động học *Determination of kinematic viscosity*	(3 ~ 15) cSt (20 ~200) cSt	ASTM D445 – 24
2.		Xác định nhiệt độ chớp cháy cốc kín *Determination of closed up flash Point*	T^0_{cc}<370 ^{0}C	ASTM D93 – 26
3.		Xác định hàm lượng nước *Determination of dissolved water content*	(1 ~ 1 000) µg	IEC 60814:1997
4.		Xác định điện áp đánh thủng *Determination of breakdown Voltage*	0,1 kV/(0,2 ~ 100) kV	IEC 60156:2025
5.		Xác định tổn hao điện môi Tgδ *Determination of Tan Delta*	0,00001/ (0,00001~ 0,1)	IEC 60247:2004
6.		Xác định hàm lượng khí hòa tan *Determination of dissolved Gas content*	H_2: 0,79 ppm	ASTM D3612C-02 (2026)
			O_2: 25,53 ppm	
			N_2: 21,81 ppm	
			CH_4: 0,21 ppm	
			CO: 0,34 ppm	
			CO_2: 0,35 ppm	
			C_2H_2: 0,07 ppm	
			C_2H_4: 0,15 ppm	
			C_2H_6: 0,15 ppm	
			C_3H_8: 0,77 ppm	
7.		Xác định sức căng bề mặt *Determination of interfacial Tension*	1~ 250 mN/m	ASTM D971-20
8.		Xác định hàm lượng 2-furfural và các hợp chất furanic *Determination of 2-furfural and related compounds*	5HMF: 0,05 ppm	IEC 61198-1993
			2FOL: 0,05 ppm	
			2FAL: 0,05 ppm	
			2ACF: 0,05 ppm	
			5MEF: 0,05 ppm	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 4)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 4)

VILAS 290

Phân xưởng Hóa dầu/ *Oil Chemical Workshop*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
9.	**Dầu cách điện** ***Insulating oil***	Xác định điện trở suất *Determination of resistivity*	25 MΩM ~ 100 TΩM	IEC 60247:2004

Chú thích/ Note:

- IEC: Uỷ ban Kỹ thuật điện quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*
- ASTM: Hiệp hội thí nghiệm và Vật liệu Hoa Kỳ/ *American Society for Testing and Materials*
- Trường hợp Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Trung phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Central electrical testing company limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*